Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 17.09.2026 08:45:15 +07:00

Người ký: BỘ CÔNG THƯƠNG
Tổ chức: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 16/09/2026 11:10:26

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76 /2026/VBHN-TT-BCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 53/2025/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

2. Thông tư số 63/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026;

3. Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026;

4. Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026;

5. Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026;

6. Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026;

7. Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương[1].

---

[1] Thông tư số 53/2025/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ khoản 13, khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng."

Thông tư số 63/2025/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu."

Thông tư số 01/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa."

Thông tư số 15/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Chương I

LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

1.[2] ***(được bãi bỏ)***

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."

Thông tư số 26/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."

Thông tư số 34/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."

Thông tư số 48/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 292/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Thực hiện Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley đối với kim cương thô có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 đối với Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương."

[2] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

2.[3] ***(được bãi bỏ)***

3.[4] ***(được bãi bỏ)***

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 17 như sau:

"a) Báo cáo Công an xã và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện: Xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ".

5. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 18 như sau:

"b) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật;"

6.[5] Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 18 như sau:

e) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng, phòng cháy và chữa cháy đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy;

7. Bổ sung điểm h, i, k khoản 1 Điều 18 như sau:

"h) Tiếp nhận đăng ký mới, đăng ký bổ sung theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này;

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp;

k) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp.

8. Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 18 như sau:

"e) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm tiền chất thuốc nổ".

9. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh**".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 19 như sau:

"4. Báo cáo Bộ Công Thương:

a) Tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 30 tháng

---

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

12 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này, trong thời hạn 24 giờ phải báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy."

11. Thay thế cụm từ "Sở Công Thương" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 11; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 17.

12. Thay thế cụm từ *"Vụ Khoa học và Công nghệ"* bằng cụm từ *"Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp"* tại điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 6, điểm c khoản 2, điểm a và điểm d khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 11.

13. Sửa đổi tiêu đề của Mẫu số 03 Phụ lục X như sau:

"Mẫu 03. Báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

14. Sửa đổi tiêu đề của Mẫu số 05 Phụ lục X như sau:

"Mẫu 05. Báo cáo đột xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

Chương II

LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

"1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động".

Chương III

LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

Điều 3. Bổ sung khoản 1a vào Điều 3 Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

"1a. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini".

Chương IV

LĨNH VỰC DẦU KHÍ

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Thời điểm xây dựng các tài liệu quản lý an toàn

1. Chương trình quản lý an toàn được thực hiện:

a) Trước khi vận hành.

b) Trước khi hoán cải, thay đổi công suất, công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn.

2. Báo cáo đánh giá rủi ro được thực hiện:

a) Khi thiết kế cơ sở.

b) Trước khi vận hành (trường hợp có thay đổi so với thiết kế).

c) Trước khi hoán cải, mở rộng quy mô tăng công suất, thay đổi công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn.

d) Cập nhật định kỳ 5 năm.

3. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được thực hiện.

a) Trước khi vận hành.

b) Trước khi hoán cải, mở rộng quy mô tăng công suất, thay đổi công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn".

2. Sửa đổi Điều 27 như sau:

"Điều 27. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

1. Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí có quy mô theo quy định pháp luật xây dựng về thẩm quyền thẩm định của Bộ Công Thương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí theo quy định pháp luật."

3. Sửa đổi Điều 28 như sau:

"Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này.

2. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm việc thực hiện nội dung các tài liệu về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật".

3a.[6] Bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 Thông tư số 40/2018/TT-BCT như sau:

Điều 28a. Trình tự, thủ tục chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn trực tiếp đến Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận;

b) 03 (ba) bộ tài liệu về quản lý an toàn (Chương trình quản lý an toàn, Báo cáo đánh giá rủi ro, Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp) theo quy định (bằng tiếng Việt);

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các tài liệu quản lý an toàn. Số lượng thành viên của Hội đồng phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất và quy mô của các hoạt động dầu khí, nhưng tối thiểu phải có 05 người. Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét sự phù hợp, nội dung các tài liệu quản lý an toàn. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể xem xét thực tế tại công trình. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm lập biên bản họp thẩm định. Căn cứ biên bản họp thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung để làm rõ các nội dung trong tài liệu.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Sau khi kết thúc thẩm định, Hội đồng thẩm định lập Báo cáo kết quả thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Báo cáo kết quả thẩm định.

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 29 như sau:

"1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này có trách nhiệm xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn Báo cáo đánh giá rủi ro định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu và kết quả tính cho quá trình xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn; chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp, kế hoạch đảm bảo an toàn cho dự án, công trình; tổ chức diễn tập ứng cứu khẩn cấp theo kế hoạch đã nêu trong tài liệu về quản lý an toàn".

---

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Điều 5. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về phê duyệt tài liệu quản lý an toàn các hoạt động khoan tìm kiếm thăm dò dầu khí, xây dựng mới hoặc hoán cải công trình dầu khí, thu dọn công trình dầu khí

Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện phê duyệt tài liệu quản lý an toàn các hoạt động khoan tìm kiếm thăm dò dầu khí, xây dựng mới hoặc hoán cải công trình dầu khí, thu dọn công trình dầu khí theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.

Chương V

LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Điều 6. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên quy định tại điểm a khoản 5 Điều 76, khoản 2 Điều 77 Luật Điện lực.

Chương VI

LĨNH VỰC HOÁ CHẤT

Điều 7.[7] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8. Thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm[8]

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; điểm b, e, g khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy

---

[7] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 01/2026/TT-BCT, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Điều này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Chương VII

LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

" Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện được quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ) và pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh sách các tổ chức kiểm định và thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

3. Trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý."

Điều 10.[9] ***(được bãi bỏ)***

Chương VIII

LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định

---

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 34/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

"1. Cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tại nơi thương nhân đăng ký kinh doanh."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Công bố Danh sách thương nhân đã đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm các thông tin sau: tên thương nhân; địa chỉ trụ sở chính; lĩnh vực đăng ký giám định thương mại của từng thương nhân và các thông tin khác liên quan (nếu có).

2. Căn cứ vào quy định của pháp luật và các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan thực hiện việc đăng ký dấu nghiệp vụ cho thương nhân.

3. Trước ngày 30 tháng 01 hằng năm Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương danh sách thương nhân đã đăng ký dấu nghiệp vụ; địa chỉ trụ sở; lĩnh vực đăng ký dịch vụ giám định thương mại của từng thương nhân (nếu có)."

3. Thay thế cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" bằng cụm từ "Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công" tại Thông tư số 01/2015/TT-BCT.

4. Thay thế cụm từ "Sở Công Thương" bằng cụm từ "Uỷ ban nhân dân" tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT.

Chương IX

LĨNH VỰC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Đăng ký dán nhãn năng lượng**

1. Trước khi đưa phương tiện, thiết bị ra thị trường, doanh nghiệp sản xuất nhập khẩu phương tiện, thiết bị đó phải lập 01 bộ hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Dán nhãn năng lượng**

1. Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, doanh nghiệp được tự thực hiện việc dán nhãn năng lượng phù hợp với thông tin trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho sản phẩm đã đăng ký. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin đã công bố trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng và thông tin hiển thị trên nhãn năng lượng."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 8 như sau:

"2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp thực hiện dán nhãn năng lượng có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, tiêu thụ và được dán nhãn năng lượng trong năm theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và Sở Công Thương.

3. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm để dán nhãn năng lượng theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công."

4. Thay thế các Phụ lục 1,3,4 Thông tư số 36/2016/TT-BCT bằng các phụ lục tương ứng tại các Mẫu số 01, 02, 03 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13.[10] ***(được bãi bỏ)***

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

1. Sửa đổi cụm từ "Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững)" thành cụm từ "Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công" tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư.

2. Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 42/2019/TT-BCT bằng phụ lục tương ứng tại Mẫu số 06 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương X

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 6 như sau:

---

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

"1. Cơ sở kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký chỉ định đến Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về năng lực tổ chức thực hiện kiểm chứng an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm được phân công quản lý."

2. Sửa đổi Điều 20 như sau:

"**Điều 20. Tổ chức thực hiện**

Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, tổ chức, cá nhân cần kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để nghiên cứu, giải quyết./."

3. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, phần kính gửi tại Phụ lục I, Phụ lục IX, phần nơi nhận tại Phụ lục VIII thành "Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh".

4. Thay thế Phụ lục V, VI Thông tư 40/2013/TT-BCT bằng các phụ lục tương ứng tại Mẫu số 03, Mẫu số 01 phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi tiêu đề khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đối với:"

2. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đối với:"

3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 23 như sau:

"1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này theo tình hình thực tế tại địa phương;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đăng ký, tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định giao hoặc chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

c) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư này; danh sách các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; báo cáo kết quả thu hồi và xử lý sản phẩm sau thu hồi theo quyết định thu hồi bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, kết quả chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý."

4. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại điểm b khoản 3 Điều 6 .

5. Sửa đổi Điều 10 như sau:

"Điều 10. Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu

Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam được đánh giá đáp ứng đủ năng lực về điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng nhận hoặc giám định theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét giao hoặc chỉ định là Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."

Điều 17. Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

"Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa, bia và dầu thực vật

1. Bộ Công Thương phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP trên phạm vi toàn quốc.

2. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP tại địa phương."

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước

1. Bổ sung Điều 21a trước Điều 21

"Điều 21a. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị quản lý nhà nước về kiểm nghiệm thực phẩm thực hiện việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký, đánh giá, chỉ định, kiểm tra, giám sát cơ sở kiểm nghiệm tương ứng với phạm vi quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được phân công."

2. Thay thế Phụ lục 6 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT bằng phụ lục tương ứng tại Mẫu số 02 phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương XI

LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung của Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

"b. Văn bản đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (bản chính).

Căn cứ hồ sơ đề nghị cho phép quá cảnh của chủ hàng, Bộ Công Thương lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản để chủ hàng biết và thực hiện".

2.[11] ***(được bãi bỏ)***

3.[12] ***(được bãi bỏ)***

4.[13] ***(được bãi bỏ)***

5.[14] ***(được bãi bỏ)***

---

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[12] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[13] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[14] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

"1. Đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng quy định tại khoản 3 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến Bộ Công Thương.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu chủ hàng hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của chủ hàng, Bộ Công Thương có văn bản lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có văn bản trả lời.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Bộ Công Thương có văn bản trả lời chủ hàng, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do."

2.[15] ***(được bãi bỏ)***

Điều 21.[16] ***(được bãi bỏ)***

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung của Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.[17] ***(được bãi bỏ)***

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Đối với thủ tục cấp giấy phép quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp, trình tự, thời hạn giải quyết hồ sơ như sau:

---

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[17] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu chủ hàng hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của chủ hàng, Bộ Công Thương có văn bản lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có văn bản trả lời.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Bộ Công Thương có văn bản trả lời chủ hàng, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.".

3.[18] ***(được bãi bỏ)***

4.[19] ***(được bãi bỏ)***

Điều 23. Bổ sung, thay thế một số nội dung của Thông tư số 37/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà

1. Bổ sung khoản 1a vào Điều 9 như sau:

"1a. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân có trụ sở chính tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận hoặc từ chối Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà".

2.[20] Thay thế cụm từ "Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương (Đ/c: 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội)" tại phần kính gửi bằng cụm từ "Cơ quan cấp phép" và bãi bỏ nội dung "Phần mềm của Báo cáo gửi về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương theo các địa chỉ email: haptd@moit.gov.vn; trangtm@moit.gov.vn" tại Phụ lục III.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP cấp Chứng thư xuất khẩu cho lô hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô đối với các trường hợp quy định tại điểm

---

[18] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

a, điểm c, khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Chứng thư xuất khẩu có giá trị trong năm được cấp."

2. Sửa đổi Điều 7 như sau:

"Điều 7. Cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu

Cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu là các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP."

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Trong thời hạn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo trên hệ thống điện tử kết quả xét duyệt hồ sơ như sau:

a) Trường hợp đáp ứng cấp Chứng thư xuất khẩu, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo cho thương nhân qua hệ thống điện tử và trả Chứng thư xuất khẩu qua bưu điện hoặc trả trực tiếp theo đăng ký của thương nhân trên hệ thống điện tử trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu.

b) Trường hợp không cấp Chứng thư xuất khẩu, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo và nêu rõ lý do trên hệ thống điện tử. Đối với hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, thời hạn nộp bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi thương nhân nhận được thông báo; quá thời hạn trên hệ thống điện tử sẽ tự động hủy bỏ hồ sơ này."

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

"Điều 3. Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan

Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan theo yêu cầu của người xuất khẩu là cơ quan cấp phép nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính."

2. Sửa đổi Điều 4 như sau:

"Điều 4. Nội dung Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan

1. Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan được in bằng giấy trắng, khổ A4, bằng tiếng Anh và bao gồm những thông tin tối thiểu sau:

a) Số tham chiếu;

b) Tên và địa chỉ của người xuất khẩu;

c) Tên và địa chỉ của người nhập khẩu;

d) Mô tả hàng hóa;

đ) Mã HS;

e) Số lượng (có ghi cụ thể đơn vị đo lường);

g) Hiệu lực Giấy chứng nhận Hạn ngạch thuế quan (ngày có hiệu lực/ngày hết hạn hiệu lực);

h) Xác nhận của cơ quan cấp phép nơi thương nhân xuất khẩu đặt trụ sở chính.

2. Mẫu Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này."

3. Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 28/2009/TT-BCT bằng phụ lục tương ứng tại Mẫu số 01 phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

1. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu)" quy định tại khoản 1 Điều 4 bằng cụm từ "cơ quan cấp phép".

2. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" quy định tại khoản 2 Điều 9 bằng cụm từ "cơ quan cấp phép".

3. Thay thế cụm từ "Vụ Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương" quy định tại khoản 1 Điều 12 bằng cụm từ "cơ quan cấp phép".

4. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" quy định tại khoản 2 Điều 12 bằng cụm từ "cơ quan cấp phép".

5. Sửa đổi Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa cho thương nhân không hiện diện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cấp cho thương nhân không có hiện diện sẽ được lập thành 03 bản để gửi cho thương nhân không hiện diện (01 bản); lưu tại cơ quan cấp phép (01) bản; gửi cơ quan Hải quan để phối hợp quản lý (01 bản)."

6. Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" tại Mẫu MĐ-1, MĐ-2, MĐ-3. MĐ-4, MĐ-5, Mẫu TB, Mẫu BC trong Phụ lục I bằng cụm từ "Cơ quan cấp phép".

7. Thay thế một số nội dung tại Phụ lục II như sau:

a) Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" bằng cụm từ "Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ..." tại ***Trang bìa***.

b) Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" bằng cụm từ "Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ..." và thay thế cụm từ "Bộ trưởng Bộ Công Thương" bằng cụm từ "Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ..." tại ***Trang thứ nhất***.

c) Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" bằng cụm từ "cơ quan cấp phép" và thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "cơ quan Hải quan" tại ***Trang thứ 2***.

Điều 27.[21] ***(được bãi bỏ)***

Chương XII
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 28.[22] ***(được bãi bỏ)***

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Thay thế cụm từ "Cục Công Thương địa phương" thành cụm từ "Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công" và thay thế cụm từ "cấp huyện" thành cụm từ "cấp xã' tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT bao gồm Phụ lục I, Phụ lục II và các biểu, mẫu ban hành kèm theo.

Chương XIII
LĨNH VỰC KINH DOANH THUỐC LÁ

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

---

[21] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 48/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

[22] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 63/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

1.[23] ***(được bãi bỏ)***

2.[24] ***(được bãi bỏ)***

3.[25] ***(được bãi bỏ)***

4.[26] ***(được bãi bỏ)***

5. Thay thế Phụ lục 13, 31, 39, 19, 20, 23, 24, 42, 43, 46, 47, 48, 49, 52, 53, 58, 69 Thông tư số 57/2018/TT-BCT bằng các phụ lục tương ứng tại các Mẫu số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Sửa đổi các cụm từ "Bộ Công Thương" tại Điều 3 thành "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số nội dung tại Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

1.[27] ***(được bãi bỏ)***

2. Thay thế các cụm từ "Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương", "Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương", "Bộ Công Thương" tại Điều 3 và tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6 bằng cụm từ "Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền".

3. Thay thế Phụ lục 8, 9, 10 Thông tư số 43/2023/TT-BCT bằng các phụ lục tương ứng tại Mẫu số 19, 20, 01 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 32. Bổ sung các biểu mẫu thực hiện một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuốc lá theo quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại [28]

Văn bản đề nghị chấp thuận đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá, văn bản đề nghị chấp thuận hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp sản xuất thuốc lá, văn bản đề nghị thuê, mượn, chuyển nhượng

---

[23] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[24] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[25] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[26] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[27] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

[28] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực hoặc điều chuyển năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp quy định tại điểm 1 Phần II, điểm 1 Phần III, Phần XIV Mục B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương XIV

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (viết tắt là Thông tư số 11/2016/TT-BCT)

1a.[29] Sửa đổi Điều 2 như sau:

Điều 2. Mã số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định pháp luật về danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam tại thời điểm cấp phép.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thiết lập, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.moit.gov.vn.

3. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh có trách nhiệm cập nhật thông tin có liên quan vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh, chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

---

[29] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

4. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh có trách nhiệm cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

5. Định kỳ hàng năm, trước ngày 28 tháng 02, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại địa phương".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương để được kịp thời hướng dẫn, giải quyết".

3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung của một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT như sau:

a) Thay thế cụm từ "Bộ Công Thương" tại các Mẫu MĐ-5, MĐ-6, MĐ-7, MĐ-8, GP-2, BC-2 thành "Ủy ban nhân dân tỉnh".

b) Thay thế cụm từ "Bộ trưởng Bộ Công Thương" tại Mẫu GP-2 thành "Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...".

c) Bổ sung căn cứ pháp lý của việc cấp Giấy phép tại Mẫu GP-2:

"Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài".

Điều 34. Bổ sung biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT

Bổ sung Mẫu báo cáo tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, báo cáo Bộ Công Thương (ký hiệu là Mẫu BC-4) vào Phụ lục Thông tư số 11/2016/TT-BCT theo mẫu quy định tương ứng tại phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương XV

LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BCT ngày 24 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2023/TT-BCT)

1.[30] Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương theo quy trình như sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

b) Lên kế hoạch về thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra;

c) Thông báo kế hoạch kiểm tra;

d) Tổ chức kiểm tra;

đ) Đánh giá kết quả kiểm tra;

e) Thông báo kết quả kiểm tra.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương trong trường hợp sau:

a) Phát hiện hồ sơ đăng ký kiểm tra của người được cấp xác nhận có thông tin gian dối;

b) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Người được cấp được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo, người được cấp xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương chấm dứt vai trò đầu mối tại địa phương với doanh nghiệp bán hàng đa cấp. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan đã tổ chức kỳ kiểm tra trong 02 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt quan hệ đầu mối tại địa phương hoặc hợp đồng đào tạo với người được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương

2. Trình tự, thủ tục thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương:

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và gửi quyết định thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp hoặc xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương tới doanh nghiệp. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp hoặc xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định thu hồi.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan đã tổ chức kỳ kiểm tra việc thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp hoặc xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương của từng doanh nghiệp bán hàng đa cấp."

Chương XVI

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 36. Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử

"Điều 10. Xác nhận thông báo

Trường hợp doanh nghiệp không nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ thông báo, hồ sơ được xác nhận thông tin khai báo đầy đủ, hợp lệ."

Chương XVII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN[31]

---

[31] Điều 20, Điều 21 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 39/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng, kiểm toán viên năng lượng.

3. Bãi bỏ Điều 13 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo của các cơ sở đào tạo quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này và gửi ý kiến, kiến nghị về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh./."

Điều 18, Điều 19, Điều 20 của Thông tư số 63/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế, bãi bỏ các văn bản sau:

a) Thay thế Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

b) Bãi bỏ Điều 28 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ tham gia bình chọn đã được tiếp nhận theo quy định trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành công tác bình chọn thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2018/TT-BCT và Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

2. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị theo thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thuộc Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức dịch vụ khuyến công và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn kịp thời./."

Điều 12 của Thông tư số 01/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 12. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Công Thương (qua Cục Hóa chất) để được xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn kịp thời./."

Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 8. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

2. Thay thế một số biểu mẫu của phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT tại Phụ lục 1 Thông tư này.

3. Thay thế Bảng 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT tại Phụ lục 2 Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

2. Các hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ./."

Điều 27, Điều 28 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 27. Điều khoản thi hành

*1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày **29 tháng 5 năm 2026** trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.*

2. Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Quy định về thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các giấy phép trong lĩnh vực quá cảnh quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

4. Quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Thông tư này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền./."

Điều 17, Điều 18 của Thông tư số 34/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 17. Quy định chuyển tiếp***

1. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định.

2. Đối với đơn, hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 nhưng chưa được giải quyết xong thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Thông tư dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

b) Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

c) Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./."

Điều 20, Điều 21 của Thông tư số 48/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ các văn bản sau đây:

a) Thông tư số 04/2007/TT-BTM của Bộ trưởng Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư.

b) Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.

c) Thông tư số 25/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế chứng nhận Quy trình Kimberley.

d) Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BCT-BTC của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.

đ) Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

3. Thông tư này bãi bỏ một phần các văn bản sau đây:

a) Bãi bỏ Điều 3 và Phụ lục III Thông tư số 41/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương.

b) Bãi bỏ Điều 25 Thông tư số 42/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

c) Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 và Phụ lục I Thông tư số 08/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

d) Bãi bỏ Điều 27 và điểm n, p khoản 4 Điều 37 Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

đ) Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) để xử lý.

5. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

6. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Thông tư này.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các Giấy phép do các cơ quan có thẩm quyền cấp cho thương nhân theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các nội dung và thời hạn hiệu lực của các Giấy phép đã được cấp.

2. Các hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm đ khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ "Vụ Khoa học và công nghệ" tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ "Sở Công Thương" tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Cụm từ "theo đường bưu điện" trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12

---

3. Danh mục thiết bị y tế đã qua sử dụng cấm nhập khẩu quy định tại Phụ lục I Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương (được sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục I Thông tư số 08/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương) được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./."

năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

n)[32] ***(được bãi bỏ)***

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p)[33] ***(được bãi bỏ)***

---

[32] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 48/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

[33] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 48/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

PHỤ LỤC I

CÁC BIỂU MẪU THAY THẾ TRONG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT các mẫu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Thay thế các biểu mẫu tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật
I	**Lĩnh vực: An toàn thực phẩm**	
01	Phụ lục VI. Mẫu Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng	Thay thế Phụ lục VI Thông tư số 40/2013/TT-BCT
02	Phụ lục 6. Mẫu Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	Thay thế Phụ lục 6 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT
03	Phụ lục V. Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng	Thay thế Phụ lục V Thông tư số 40/2013/TT-BCT
II	**Lĩnh vực: Kinh doanh thuốc lá**	
01	Phụ lục 10. Mẫu văn bản trả lời nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Thay thế phụ lục 10 Thông tư số 43/2023/TT-BCT

02	Phụ lục 13. Mẫu Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục 13 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
03	Phụ lục 31. Mẫu cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục 31 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
04	Phụ lục 39. Mẫu cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục 39 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
05	Phụ lục 19. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 19 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
06[34]	Phụ lục 20. Mẫu Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 20 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
07	Phụ lục 23. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 23 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
08[35]	Phụ lục 24. Mẫu Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 24 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
09	Phụ lục 42. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 42 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
10[36]	Phụ lục 43. Mẫu cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 43 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
11	Phụ lục 46. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 46 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
12[37]	Phụ lục 47. Mẫu cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 47 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
13	Phụ lục 48. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 48 Thông tư số 57/2018/TT-BCT

[34] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[35] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[36] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[37] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

14[38]	Phụ lục 49. Mẫu cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 49 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
15	Phụ lục 52. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 52 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
16[39]	Phụ lục 53. Mẫu cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 53 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
17	Phụ lục 58. Mẫu báo cáo tình hình kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá của các thương nhân trên địa bàn xã	Thay thế Phụ lục 58 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
18[40]	Phụ lục 69. Mẫu báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục 69 Thông tư số 57/2018/TT-BCT
19	Phụ lục 8. Báo cáo tình hình bán hàng theo đối tượng khách hàng	Thay thế Phụ lục số 08 Thông tư 43/2023/TT-BCT
20	Phụ lục 9. Báo cáo tình hình bán hàng theo nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 09 Thông tư 43/2023/TT-BCT
III	**Lĩnh vực: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**	
01	Phụ lục 1. Mẫu Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng	Thay thế Phụ lục 1 Thông tư số 36/2016/TT-BCT
02	Phụ lục 3. Mẫu báo cáo định kỳ của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng	Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 36/2016/TT-BCT
03	Phụ lục 4. Biểu mẫu Báo cáo tình hình phương tiện, thiết bị đã thử nghiệm	Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 36/2016/TT-BCT
04[41]	Phụ lục 3. Mẫu chứng chỉ quản lý năng lượng	Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 39/2011/TT-BCT

[38] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[39] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[40] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

[41] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

05[42]	Phụ lục 4. Mẫu chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng	Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 39/2011/TT-BCT
06	Phụ lục 5. Mẫu báo cáo định kỳ của Sở Công Thương về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu dán nhãn năng lượng	Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 42/2019/TT-BCT
IV	**Lĩnh vực: Xuất nhập khẩu**	
01	Phụ lục 3. Mẫu văn bản đăng ký hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định VJEPA	Thay thế Phụ lục 3 Thông tư 28/2009/TT-BCT
02	Phụ lục IX. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục IX Thông tư số 12/2018/TT-BCT

[42] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

I. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

Mẫu số 01

PHỤ LỤC VI

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG
(Thay thế cho Phụ lục VI Thông tư số 40/2013/TT-BCT)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỈ ĐỊNH -------- Số: …../QĐ-	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *……, ngày …. tháng …. năm …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ ….(1);

Theo đề nghị của ….(2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định …… *(tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng)*, địa chỉ …… được chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu kỹ thuật được chỉ định kèm theo Quyết định này.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng: …..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. (Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng) …….. có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm kiểm chứng phục vụ quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Tổ chức liên quan (để b/c);
- Tổ chức liên quan (để biết);
- Lưu: Cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền chỉ định
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Tên văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

(2): Cơ quan tiếp nhận, thẩm định.

DANH MỤC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng số …… ngày... tháng.... năm …… của .....)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			

Mẫu số 02

PHỤ LỤC 6

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM
(Thay thế Phụ lục 6 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỈ ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---
Số: …../QĐ-	*……, ngày …. tháng …. năm …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ ….(1);

Theo đề nghị của ….(2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định …… *(tên cơ sở kiểm nghiệm)*, địa chỉ …… được chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu kỹ thuật được chỉ định kèm theo Quyết định này.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng: …..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. (Tên cơ sở kiểm nghiệm) …….. có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (để b/c); - Tổ chức liên quan (để b/c);	**Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền chỉ định** *(Ký tên, đóng dấu)*

- Tổ chức liên quan (để biết);
- Lưu: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(1): Tên văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép;
(2): Cơ quan tiếp nhận, thẩm định.

DANH MỤC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm số …… ngày... tháng.... năm …… của .....)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

...	.....	.....	.....

Mẫu số 03

MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Thay thế cho Phụ lục V Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

Phụ lục V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm ...

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

Đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng ..... được thành lập theo Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, gồm:

(Họ, tên trưởng đoàn đánh giá, thư ký, các thành viên)

1. Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Kết luận của Trưởng đoàn đánh giá

2.1. Các điểm phù hợp:

2.2. Các điểm không phù hợp:

TT	Các điểm không phù hợp	Mức 1	Mức 2	Căn cứ/chuẩn mực
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.3. Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định *(tên cơ sở kiểm nghiệm)*, thuộc ..... là cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định đối với các lĩnh vực và phép thử sau khi cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng hoàn thành việc khắc phục toàn bộ các điều không phù hợp nêu trên:

TT	Lĩnh vực	Tên phép thử hoặc loại phép thử	Phương pháp thử	Ghi chú

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. Biên bản này được thông qua với sự đồng ý của ..... thành viên đoàn đánh giá.

4. Ý kiến khác nếu có *(nêu rõ nội dung và tên người có ý kiến khác)*

5. Tài liệu khác kèm theo biên bản gồm: .....

Đại diện cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**Thư ký đoàn đánh giá** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**Trưởng đoàn đánh giá** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

II. Lĩnh vực thuốc lá

Mẫu số 01

PHỤ LỤC 10

Mẫu văn bản trả lời nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

(Thay thế Phụ lục 10 Thông tư số 43/2023/TT-BCT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN **-------** Số: / V/v ……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *....., ngày..... tháng..... năm 20 .....*

Kính gửi: Công ty .....(1)

Ngày ...(2).., Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1).... về việc ……(5)….. Về việc này, Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến như sau:

..... (6) .....

Nơi nhận: - (1); - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c); - Bộ Công Thương (để b/c); - Các cơ quan liên quan; - Lưu: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN** *(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Công ty đề nghị nhập khẩu/đầu tư;

(2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;

(3): Số Đơn đề nghị;

(4): Ngày Đơn đề nghị;

(5): Nội dung đề nghị;

(6): Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền./.

Mẫu số 02

PHỤ LỤC 13
MẪU GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 13 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /GP-	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY PHÉP
CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số……ngày … tháng …. năm …. của……(2);

Theo đề nghị của …..(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

Điện thoại....., Fax.....;

3. Địa điểm sản xuất.....;

Điện thoại....., Fax.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

5. Được phép chế biến các loại nguyên liệu thuốc lá sau: .....(4)

6. Năng lực chế biến.....(5) tấn nguyên liệu/năm

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng .... năm...../.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ..... (2);
- ..... (6);
- Lưu: ....(3)

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

(2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

(3): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

(4): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá chế biến (ví dụ: thuốc lá sợi, thuốc lá tấm, lá tách cọng...)

(5):Công suất thiết kế của dây chuyền thiết bị đồng bộ để chế biến nguyên liệu thuốc lá.

(6): Tên các tổ chức có liên quan.

Mẫu số 03

PHỤ LỤC 31
MẪU GIẤY CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 31 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /GP-	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ …)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) và Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...) số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) (nếu có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số……ngày ... tháng .... năm .... của……(3);

Theo đề nghị của ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4) như sau:

.....(5)

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4) không thay đổi. Giấy phép này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4)

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện:

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- .. ..(1);
- .....(6);
- Lưu: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

(2): Tên cơ quan cấp Giấy phép.

(3): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

(4): Ghi rõ số, ngày tháng năm của Giấy phép cấp lần đầu.

(5): Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung

(6): Tên các cơ quan liên quan.

Mẫu số 04

PHỤ LỤC 39
MẪU GIẤY CẤP LẠI GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 39 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /GP-	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ …)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số……ngày … tháng …. năm …. của……(2);

Theo đề nghị của …..(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

3. Điện thoại....., Fax.....;

4. Địa điểm sản xuất....., Điện thoại.....Fax.....;

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

6. Được phép chế biến các loại nguyên liệu thuốc lá sau: .....(4)

7. Năng lực chế biến.....(5) tấn nguyên liệu/năm

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(6)

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng .... năm...../.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ..... (2);
- ..... (7);
- Lưu: ....(3)

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

(2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

(3): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

(4): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá chế biến (ví dụ: thuốc lá sợi, thuốc lá tấm, lá tách cọng...).

(5): Công suất thiết kế của dây chuyền thiết bị đồng bộ để chế biến nguyên liệu thuốc lá.

(6): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã ghi trong Giấy phép được cấp lần đầu.

(7): Tên các tổ chức có liên quan.

Mẫu số 05

PHỤ LỤC 19
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 19 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....

1. Tên thương nhân:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....xem xét cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, cụ thể:

6. Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(1)

- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

..... (4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(2): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân xin phép để tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Tên thương nhân.

Mẫu số 06[43]

PHỤ LỤC 20
MẪU GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 20 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ** ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	*……, ngày.....tháng ..... năm .....*

GIẤY PHÉP
PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ……

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số……ngày … tháng …. năm …. của.....(2);

[43] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Theo đề nghị của ……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....;(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....; Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3)

- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....(4)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ

sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày…. tháng … năm…../.

Nơi nhận:	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
-……..…(2);	**CHỦ TỊCH**
-……..(4,5);	
- Lưu: VT, ...(6,7).	*(ký tên và đóng dấu)*

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

(2): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(4): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên các tổ chức có liên quan.

(7): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

Mẫu số 07

PHỤ LỤC 23
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 23 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1)

1. Tên thương nhân:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày .....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của

thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Mẫu số 08[44]

PHỤ LỤC 24
MẪU GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 24 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……... (1)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU……. (1)

Căn cứ ……(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số……ngày … tháng …. năm …. của……(4);

[44] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(3)

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của

Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày…. tháng … năm…../.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- …….… (4);
- ……..(5);
- Lưu: VT, …(6).

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.

(3): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

Mẫu số 09

PHỤ LỤC 42
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 42 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……

1. Tên thương nhân : .....:

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

7. Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:…… cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.....(1)....

...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....(3)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(4)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(5)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá

(3): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân xin phép để tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 10[45]

PHỤ LỤC 43
MẪU CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 43 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ** ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	*……, ngày……tháng ….. năm ……*

GIẤY PHÉP
PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ……)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ……

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

[45] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số…(2)…ngày … tháng …. năm ……do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…… cấp cho..... (3);

Căn cứ Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ .....) số…(2)…ngày … tháng …. năm ….do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…… cấp cho..... (3) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số……ngày … tháng …. năm …. của.....(3);

Theo đề nghị của …….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số…(2)…như sau:

.....(4)

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số .....(2) không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- …….… (3);
- ……..(5);
- Lưu: VT, …(6).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

(2): Ghi rõ số các Giấy phép đã được cấp.

(3): Tên doanh nghiệp.

(4): Ghi nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5): Tên các tổ chức có liên quan.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

Mẫu số 11

PHỤ LỤC 46
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 46 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1)

1. Tên thương nhân : .....:

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày .....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

7. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.....(2)....

...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(6)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

((1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 12[46]

PHỤ LỤC 47
MẪU CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 47 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (1)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	....., *ngày..... tháng..... năm 20.....*

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..... (1)

Căn cứ .....(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, *Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

[46] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...ngày ... tháng .... năm ....do (7)..... cấp cho .....(4);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần .....) số...(3)...ngày ... tháng .... năm ....do ..(6)... cấp cho .....(4) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(4);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...như sau .....(5)

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số .....(3) không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ..... (3);

- ……..(6);
- Lưu: VT, …….(7).

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu

(2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu

(3): Số giấy phép đã được cấp.

(4): Tên thương nhân.

(5): Nội dung sửa đổi, bổ sung

(6): Tên các tổ chức có liên quan.

(7) Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

Mẫu số 13

PHỤ LỤC 48
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 48 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……

1. Tên thương nhân: .....:

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày .....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.... .....

7. Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.... .....(nếu có).

8. ..(*ghi rõ tên thương nhân*)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:……xem xét cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do ....(1).....

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của

thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ lý do xin cấp lại

Mẫu số 14[47]

PHỤ LỤC 49
MẪU CẤP LẠI GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 49 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ** ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	*……, ngày…… tháng……. năm 20……*

GIẤY PHÉP
PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ ……)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ……

Căn cứ ……(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

[47] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số……ngày ... tháng …. năm …. của.....(2);

Theo đề nghị của …….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm.....,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày ..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....; Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3)

- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....(4)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư

số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày…. tháng … năm…../.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- …….… (2);
- ……..(3,4);
- Lưu: VT, …….(6).

Chú thích:

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

(2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá; các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(4): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

Mẫu số 15

PHỤ LỤC 52
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Thay thế Phụ lục 52 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /...	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1)

1. Tên thương nhân: .....:

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm.....,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày ..... tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Tên: .....;

- Địa chỉ: .....;

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.... .....

7. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.... .....(nếu có).

8....(*ghi rõ tên thương nhân*)...kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(1) xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .....(2).....

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01

năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Mẫu số 16[48]

PHỤ LỤC 53
MẪU CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 53 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……... (1)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ……)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU……. (1)

Căn cứ ……(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung

[48] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số……ngày ... tháng …. năm …. của…….....…(3);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....…….....(3)

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

+ Tên: .....;

+ Địa chỉ: .....;

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6

năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép (7)

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày…. tháng … năm…../.

Nơi nhận:
- …….… (4);
- ……..(5);
- Lưu: VT, …….(6).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu

(3): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

(7): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.

Mẫu số 17

PHỤ LỤC 58
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Thay thế Phụ lục 58 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /...	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ....

(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)

I. Danh sách thương nhân được cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

STT	Tên thương nhân	Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, Fax	Số Giấy phép, ngày cấp	Được phép mua của các thương nhân phân phối, bán buôn sản phẩm thuốc lá
1				
2				
...				

II. Tình hình kinh doanh của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

STT	Tên thương nhân	Tên của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
			Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1								
2								
....								
		Tổng cộng						

III. Kiến nghị, đề xuất

Người lập báo cáo (ký, ghi rõ họ tên)	**CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU** (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18[49]

PHỤ LỤC 69
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 69 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN
——

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …../20…/BC-…

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(6 tháng đầu năm ……..; cả năm ……..)

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……
- Sở Công Thương.....

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại.....Fax...

Số Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá: …….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….

Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số: …….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….(nếu có)

I	**Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá**						
STT	**Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối**	**Tồn kho trong kỳ**		**Mua vào trong kỳ**		**Bán ra trong kỳ**	
		Số lượng (1.000 bao)	**Trị giá (1.000 VNĐ)**	**Số lượng (1.000 bao)**	**Trị giá (1.000 VNĐ)**	**Số lượng (1.000 bao)**	**Trị giá (1.000 VNĐ)**
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

[49] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

II	Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố						
STT	Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối	Tỉnh....		Tỉnh....		Tỉnh....	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

III.	Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ						
STT	Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

IV. Kiến nghị, đề xuất...

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 19

PHỤ LỤC 8
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(Thay thế Phụ lục 8 Thông tư số 43/2023/TT-BCT)

TÊN NHÀ CUNG CẤP -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /BC-...	*....., ngày..... tháng..... năm 20 .....*

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(6 tháng đầu năm .....(hoặc 6 tháng cuối năm .....); cả năm .....)

Kính gửi: Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước - Bộ Công Thương;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố Sở Công Thương ..... (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở)

TÊN NHÀ CUNG CẤP:

Đã được Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…… /Sở Công Thương…… cấp Giấy phép ... số ... ngày ... tháng ... năm ...

Trụ sở tại:

Điện thoại: .....Fax: .....

STT	Tên thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá	Trụ Sở chính	Địa bàn bán	TL không đầu lọc		TL đầu lọc bao mềm		TL đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
				Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
I.	**THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**										
1											
2											
	CỘNG MỤC (I)										

II.	**THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**										
1											
2											
...											
	CỘNG MỤC (II)										
III	**THƯƠNG NHÂN BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**										
1											
2											
...											
	CỘNG MỤC (III)										
	TỔNG CỘNG MỤC (I) + (II) + (III)										

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....
.....

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu	**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 20

PHỤ LỤC 9
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Thay thế Phụ lục 9 Thông tư số 43/2023/TT-BCT)

TÊN NHÀ CUNG CẤP -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /BC-...	*....., ngày..... tháng..... năm 20 .....*

BÁO CÁO
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm .....) ; cả năm .....)

Kính gửi: Quản lý và Phát triển thị trường trong nước - Bộ Công Thương;

Ủy ban nhân dân tỉnh /Sở Công Thương ..... (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở).

TÊN NHÀ CUNG CẤP:

Đã được Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố…… /Sở Công Thương…… cấp Giấy phép ... số ... ngày ... tháng ... năm ...

Trụ sở tại:

Điện thoại: .....Fax: .....

STT	Nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	TL không đầu lọc		TL đầu lọc bao mềm		TL đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
		Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
I. Nhãn quốc tế									
1									
2									
3									

II. Nhãn trong nước									
1									
2									
3									
	TỔNG CỘNG								

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu (ký, ghi rõ họ tên)	**Giám đốc** (ký tên, đóng dấu)

III. Lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Mẫu số 01

Phụ lục 1
Mẫu Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng
(Thay thế Phụ lục 1 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	
	....., ngày.... tháng.... năm ....

GIẤY CÔNG BỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG CHO PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....
Tên đơn vị chủ quản:.....
Trụ sở chính tại:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương,

Đề nghị Bộ Công Thương tiếp nhận công bố để doanh nghiệp được dán nhãn năng lượng (nhãn so sánh và/hoặc nhãn xác nhận) đối với các sản phẩm tiêu thụ năng lượng:

1) .....
2) .....
.....

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

1) Danh mục các loại phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng (kèm theo);
2) .....
3) .....
.....

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định của Quý cơ quan và chịu trách nhiệm về các khai báo nêu trên.

GIÁM ĐỐC
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên,
- .....

Mẫu số 02

Phụ lục 3

Mẫu báo cáo định kỳ của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng

(Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP Số: ...../.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG *(Năm .....)*

Kính gửi : - Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương
- Sở Công Thương tỉnh .....

Tên doanh nghiệp:.....
Tên đơn vị chủ quản:.....
Trụ sở chính tại:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện thiết bị dán nhãn năng lượng báo cáo những nội dung sau:

STT	Tên Sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Model	Đã/ Chưa Dán nhãn TKNL	Hiệu suất năng lượng	Cấp/Mức hiệu suất năng lượng	Tiêu chuẩn TCVN	Thời gian đăng ký dán nhãn năng lượng	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	Ghi chú
I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										

N	Sản phẩm n										

GIÁM ĐỐC
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

Phụ lục 4
Biểu mẫu Báo cáo tình hình phương tiện, thiết bị đã thử nghiệm
(Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên tổ chức thử nghiệm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công Bộ Công Thương

1. Tên tổ chức thử nghiệm.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ thử nghiệm số [....], [ngày/tháng/năm cấp] do [tên cơ quan cấp].

Căn cứ quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, [Tên tổ chức thử nghiệm] xin báo cáo như sau:

TT	Tên DN thử nghiệm	Địa chỉ *(ghi địa danh tỉnh /thành phố)*	Lĩnh vực /đối tượng	Sản phẩm	Mã sản phẩm	Tên tiêu chuẩn thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm (số....)	Ghi chú
			Thiết bị gia dụng	Quạt				
			Thiết bị văn phòng	Máy in				
			Công nghiệp					

4. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Đại diện có thẩm quyền
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<u>Mẫu số 04</u>[50] ***(được bãi bỏ)***

[50] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05[51] ***(được bãi bỏ)***

[51] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 53/2025/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 06

PHỤ LỤC 5

Mẫu báo cáo định kỳ của Sở Công Thương về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu dán nhãn năng lượng

(Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 42/2019/TT-BCT)

UBND…….. **SỞ CÔNG THƯƠNG** ------- Số: …../……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *….., ngày……tháng…..năm……..*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG VỀ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG *(Năm……)*

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

Sở Công Thương tỉnh…….tổng hợp thông tin báo cáo của doanh nghiệp về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương hàng năm và các phương tiện, thiết bị đã dán nhãn năng lượng trong năm……

Số Doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo Phụ lục 3, Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương……Doanh nghiệp.

Số Doanh nghiệp không báo cáo:……Doanh nghiệp.

STT	Tên Sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Model	Đã/Chưa Dán nhãn TKNL	Hiệu suất năng lượng	Cấp/Mức hiệu suất năng lượng	Tiêu chuẩn TCVN	Thời gian đăng ký dán nhãn năng lượng	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	Ghi chú
	Doanh nghiệp 1.	**Địa chỉ:**									
I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										
	Doanh nghiệp 2.	**Địa chỉ:**									

I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										
	Doanh nghiệp n										

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,…

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

IV. Lĩnh vực xuất nhập khẩu

Mẫu số 01

Phụ lục 3

(Thay thế Phụ lục 3 Thông tư 28/2009/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:	*...., ngày ... tháng ... năm ....*
V/v đăng ký hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định VJEPA	

Kính gửi: Cơ quan cấp phép tỉnh/thành phố …

Căn cứ Thông tư số …….. ngày …….. của Bộ Công Thương

Thương nhân (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và tên viết tắt):

Giấy đăng ký kinh doanh số:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Địa chỉ giao dịch:

Đề nghị Cơ quan cấp phép xác nhận giấy hạn ngạch thuế quan xuất khẩu đối với mật ong tự nhiên (mã HS 0409.00.00) theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu vào Nhật Bản cho năm tài khoá của Nhật Bản (*) 20 … với số lượng là: ..... tấn (bằng chữ:).

*Ghi chú: * Năm tài khoá của Nhật Bản bắt đầu từ 01 tháng 4 đến 31 tháng 3 của năm sau đó.*

Nơi nhận:	**Chức vụ của Người đứng đầu thương nhân**
- Như trên;	*(Ký tên và đóng dấu)*
- Lưu: VT.	**Tên Người đứng đầu thương nhân**

Mẫu số 02

Phụ lục IX

(Thay thế Phụ lục IX Thông tư 12/2018/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ...	……., *ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Tên chủ hàng: .....

- Địa chỉ: … Số điện thoại: … Số fax: ...

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS (8 số)	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1							
2							

2. Cửa khẩu nhập hàng: .....
3. Cửa khẩu xuất hàng: .....
4. Tuyến đường vận chuyển: .....
5. Phương tiện vận chuyển: .....
6. Thời gian dự kiến quá cảnh: .....

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

.....

.....

Người đại diện theo pháp luật của chủ hàng
(*Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

PHỤ LỤC II

CÁC BIỂU MẪU MỚI QUY ĐỊNH TRONG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT các mẫu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Nội dung quy định hướng dẫn, bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật
I	**Lĩnh vực: Thuốc lá**	
01	(1) Văn bản đề nghị cho phép sản xuất sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu nước ngoài tiêu thụ tại Việt Nam, (2) Văn bản đề nghị chấp thuận đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá, (3) Văn bản đề nghị chấp thuận hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp sản xuất thuốc lá, (4) Văn bản đề nghị nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, (5) văn bản đề nghị thuê, mượn, chuyển nhượng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực hoặc điều chuyển năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Hướng dẫn quy định tại điểm 1 Phần I, điểm 1 Phần II, điểm 1 Phần III, tiết a điểm 1 Phần X, Phần XIV Mục B Phụ lục V TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THUỐC LÁ Kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ
II	**Lĩnh vực: Thương mại quốc tế**	
	Mẫu BC-4. Mẫu báo cáo tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, báo cáo Bộ Công Thương	Bổ sung Mẫu BC-4 vào Phụ lục Thông tư số 11/2016/TT-BCT

I. Lĩnh vực thuốc lá

Mẫu số 01

Mẫu (1) Văn bản đề nghị cho phép sản xuất sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu nước ngoài tiêu thụ tại Việt Nam, (2) Văn bản đề nghị chấp thuận đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá, (3) Văn bản đề nghị chấp thuận hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp sản xuất thuốc lá, (4) Văn bản đề nghị nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, (5) văn bản đề nghị thuê, mượn, chuyển nhượng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực hoặc điều chuyển năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /ĐĐN-...	....., *ngày..... tháng..... năm 20* .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ .....

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Tên doanh nghiệp: .....(1)

2. Trụ sở giao dịch: .....Điện thoại: .....Fax: .....

3. Địa điểm sản xuất .....Điện thoại .....Fax: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....ngày ..... tháng..... năm ..... do ..... cấp ..... ngày..... tháng..... năm .....

5. Đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá/Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số ... ngày..... tháng..... năm .....

6. Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho... (1) được ……, cụ thể như sau:

……..(2)…… …….

Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm: ……(3)……

..... (1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp

thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên doanh nghiệp;

(2): Tóm tắt các thông tin chính của nội dung đề nghị.

(3): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị.

II. Lĩnh vực thương mại quốc tế

Mẫu BC-4

Báo cáo định kỳ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Công Thương về tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánhcủa thương nhân nước ngoài tại trên địa bàn tỉnh

(Bổ sung vào Phụ lục Thông tư số 11/2016/TT-BCT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ...** --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Địa điểm, ngày... tháng...năm...*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI...

(Năm:...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tình hình cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh:

Tiêu chí	Năm trước báo cáo	Năm báo cáo	Ghi chú
1. Số lượng Giấy phép đang có hiệu lực, trong đó:			
- Giấy phép cấp mới			
- Giấy phép cấp lại *(theo khoản 2 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP)*			
- Giấy phép điều chỉnh			
2. Giấy phép gia hạn			
3. Số lượng Giấy phép thu hồi			
4. Số lượng Chi nhánh chấm dứt hoạt động			

2. Nội dung hoạt động của Chi nhánh theo lĩnh vực:

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng Chi nhánh	Tỷ lệ (%)

1	Dịch vụ pháp lý		
2	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan		
3	Dịch vụ tư vấn quản lý		
4	Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý		
5	Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan		
6	Dịch vụ nhượng quyền thương mại		
7	Dịch vụ tài chính A- Dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm B- Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác C- Dịch vụ chứng khoán		

3. Tình hình hoạt động của Chi nhánh:

a. Tình hình hoạt động của từng Chi nhánh:

STT	**Tên chi nhánh**	**Nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài**	**Nội dung hoạt động**	**Sử dụng lao động**			**Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (tổng số thuế đã nộp, đơn vị: đồng)**	**Tình hình thực hiện chế độ báo cáo (Có/Không)**
				Tổng số	**Lao động nước ngoài**	**Lao động Việt Nam**		

b. Tình hình thực hiện nội dung hoạt động theo Giấy phép thành lập Chi nhánh.

c. Tình hình chấp hành pháp luật theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực hoạt động của Chi nhánh.

4. Tình hình và kết quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật

.....

5. Tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

.....

6. Nhận xét, đánh giá

.....

7. Đề xuất, kiến nghị

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về PL);
- Báo Công Thương (đăng Website BCT);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC.